

ĐƠN TIẾT, ĐƠN TIẾT HOÁ VÀ ĐA TIẾT, ĐA TIẾT HOÁ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT

Vũ Đức Nghiệu

Mặc dù âm tiết là đơn vị phát âm tự nhiên, nhưng do những đặc thù về mặt giá trị hình thái học của nó mà tính đơn tiết và đa tiết của tiếng Việt lại là những thuộc tính thường được dùng để miêu tả và phân loại các từ.

Trong quá trình phát triển từ trước đến nay, bên cạnh những từ đơn tiết, đa tiết được hình thành "một cách tự nhiên", tiếng Việt còn có hàng loạt đơn vị từ vựng đơn tiết và đa tiết khác hình thành do tác động của xu thế đơn tiết hoá và đa tiết hoá.

1. Trước hết, chúng tôi xin nói về xu thế đơn tiết hoá.

1.1. Theo những kết quả nghiên cứu đã có được và những nguồn tư liệu hữu quan, vào thời ngôn ngữ Proto Việt Mường và xa hơn, đến thời Proto Môn Khmer (những cội nguồn xa xưa của tiếng Việt) đã từng có những từ đa tiết (có thể gọi là từ cận song tiết - sesquisyllabic words) bao gồm một âm tiết chính và một âm tiết phụ (tiền âm tiết: presyllable), trong đó, âm tiết chính luôn luôn được nhấn mạnh.

Khi xảy ra quá trình / xu thế đơn tiết hoá đối với những từ cận song tiết đó, tiền âm tiết của chúng rụng đi, âm tiết chính được giữ lại và hiện diện trong tiếng Việt ngày nay với tư cách những từ đơn tiết chính danh. Ví dụ, so sánh:

Proto MK → Proto VM → Việt hiện đại

* səmaŋ * maŋ mượn

* kəcet * kcet chết

* pədām * dām năm (5)

* kəpǎr * pǎr bay

* kəm(uə)r * k(ə)mur (con) mối

.....

Proto MK → V hiện đại

* gəm(a/iə)ʔ mưa

Proto MK → V hiện đại

* səmaŋ mượn

* lətaʔ	đá	* Cɾiŋ	sùng
* cətām	(bên) đăm	* pədām	năm (5)
* kəlʔe:p	rết	* j (-m-)ha:/iəm	rướm
(...)			
<u>Proto VM</u>	→	<u>V hiện đại</u>	
* t(ə)ŋɔc	ngọt	* usũk	tóc
* lətaʔ	đá	* kəcet	giết
* agas	gãi	* acốʔ	chó
* akǎʔ	cá	* k(ə)mur	mối
* kəlo	(ngôi) sao	* s(ə)rốʔ	(khoai) sọ
* ahlốʔ	lúa	* ahrɔ	rùa
* s / c(ə)lu	trâu	* t(ə)ŋốs	ngủi
* k(ə)rěŋ	rừng	* ateʔ	đái
(...)			

1.2. Xu thế đơn tiết hóa đã diễn ra hết sức mạnh mẽ từ Proto Việt Mường đến tiếng Việt hiện đại, nhưng trong các ngôn ngữ thân thuộc về mặt cội nguồn với tiếng Việt thì tình hình lại không hẳn như vậy. Điều này có thể thấy được qua hai so sánh sau đây:

a. Ở hàng loạt từ cùng gốc, khi xu thế đơn tiết hoá đã phát huy tác động triệt để ở tiếng Việt thì tính đa tiết của các hình thái tương ứng vẫn còn được bảo lưu gần như nguyên vẹn trong những ngôn ngữ bảo thủ có quan hệ với tiếng Việt về mặt cội nguồn (tiếng Rục, tiếng Thà Vượng). Ví dụ:

Việt	Rục	Thà Vượng
gà	rəka	kaa ¹
chim	ĩcim	Ciim

cá	ăka	kaa ³
mối	kũmul	khamool
(chó) sói	klɔi	kalɔɔl
rận	briɲ	hahin
môi	cũboj	apəəl
tróc	kuluok	khalook
răng	kasǎŋ	ksaŋ
vả	ăvăh	tpah
trái (cây)	pǎli	phaləə
trầu	plu	paluu
gãi	kakat	akayh
say	pri	phalii
lâu	lo	aloo
(...)		

b. So sánh xa hơn với những dạng đã phục nguyên được trong Proto Việt Mường, chúng ta thấy: tương ứng với một từ đơn tiết của tiếng Việt ngày nay, có thể là một từ đơn tiết hoặc đa tiết trong tiếng Rục, Thà Vưng và Proto Việt Mường. Ví dụ:

Proto VM	Tiếng Rục	Thà Vưng	Việt hiện đại
* ateʔ	tí		đái
* ku:s	kurh	kuyh	củi
* kʌs	kɪʌl / kəɔl		cả (sưng)
*dǎm	dǎm	dam	năm (5)
* cəp	cəp	acoop	chớp
* dak	dak	daak	nước
* pǎŋʔ	pin	pɪɲ / pɪɲ	bẩn

* agas	kakat	akayh	gãi
* ck/guʔ	căkụ	ckuu	gấu
* hlem	ʔjal	halɛem	liếm
* ăhrɔ	ărɔ	hoo	rùa
* m(ə)rɔj	mũroj		ruồi
* usũk	usúk	sɔk	tóc
* lətaʔ	lata		đá
* ksăŋ	kàsăŋ	ksaŋ	răng
* t(ə)ŋɔc	tăŋɔc		ngọt
* kəhak	kǒhak		khạc
* k(ə)hal	kuhal	kahaal	khái (hổ)
* acốʔ	acố	cố ³	chó
* k(ə)mur	kũmul	khamool	mối

(...)

1.3. Cơ chế của xu thế đơn tiết hoá, như đã thấy, thường chỉ đơn giản là cho rụng đi một âm tiết (thường là tiền âm tiết). Cho đến nay, trong tiếng Việt, cơ chế cho rụng bớt âm tiết đi vẫn tiếp tục được sử dụng. Khi muốn làm đơn tiết hoá một từ đa tiết nào đó, (kể cả những tên riêng đa tiết), người ta thường chỉ cần cho rụng bớt các âm tiết đi, chỉ giữ lại lấy một, là xong. Ví dụ (trong khẩu ngữ và có khi cả trong ngôn ngữ viết):

xi măng	> xi	nhân dân tệ	> tệ
(ông) Lý trưởng	> (ông) Lý.	(cậu) tú tài	> (cậu) Tú
đô la	> đô	(vải) simili	> (vải) si
Australia	> Úc	Thái lan	> Thái

...

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, trong quá khứ, quá trình đơn tiết hoá dẫn đến các từ đơn tiết triệt để trong tiếng Việt, không phải chỉ chịu tác động của việc cho rụng các tiền âm tiết đi, mà nó cũng còn là kết quả của việc từ bỏ phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố (một phương thức vốn có và phổ biến ở ngành Môn Khmer). Việc ngôn ngữ Proto Việt Mường từ bỏ các phương thức hình thái học trong cấu tạo từ đã làm cho cấu trúc của các đơn vị hình thái cơ bản (từ) trở nên đơn giản hơn và dẫn đến trạng thái đơn tiết. Tiếng Việt, một trong những hậu duệ của Proto Việt Mường đã đi theo hướng này một cách hết sức điển hình. Ví dụ: [xem 1, tr.238]

<u>Proto MK</u>	→	<u>Proto VM</u>	→	<u>Việt hiện đại</u>
* t-m-ruʔ		*phruʔ		sáu
* k-m-ʔar		* har		hai
* k-m-saŋ		* psəŋ		(con) rắn
* cr-m-bəh		* kbəh		mỏ
* t-m-baŋ		* tbaŋ		mãng
.....				

1.4. Với cơ chế tác động như vậy, xu thế và quá trình đơn tiết hoá đã làm thay đổi diện mạo hình thái học của hàng loạt đơn vị từ vựng – hình thái cơ bản vốn là đa tiết. Chúng được đơn tiết hoá hàng loạt và vì thế, một cách tự nhiên, số lượng từ đơn tiết sẽ tăng lên, chiếm tỷ lệ cao trong toàn bộ từ vựng. Chứng cứ là, khi khảo sát một số nguồn tư liệu thành văn từ thế kỷ VX đến nay, chấp nhận và sử dụng một quan niệm rộng rãi về những đơn vị được gọi là từ ghép chúng tôi thu được một số kết quả định lượng như sau:

Bảng 1: Kết quả khảo sát một số tư liệu thành văn thế kỷ XV-XVII [xem 13].

NGUỒN NGŨ LIỆU \ TỶ LỆ	TỪ ĐƠN TIẾT	TỪ ĐA TIẾT
Quốc âm thi tập (thế kỷ XV)	1542 (68%)	693 (32%)
Hồng Đức quốc âm thi tập (thế kỷ XV)	1895 (59%)	1398 (41%)
Thơ Nôm Ng. Bình Khiêm (t. kỉ XVI)	1573 (71%)	635 (29%)
Phép giảng tám ngày (thế kỉ XVII)	1145 (64%)	655 (36%)

Bảng 2: Kết quả khảo sát một số tư liệu báo chí, từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1920 [2]:

THỜI GIAN	SỐ TỪ ĐƯỢC KHẢO SÁT	TỪ ĐƠN TIẾT	TỪ ĐA TIẾT
Cuối t. kỉ XIX	4098	3592 (86,20%)	506 (13,80%)
1901 - 1910	6034	4042 (64,67%)	1992 (35,33%)
1911 - 1920	7662	4448 (57,82%)	3124 (42,18%)

Bảng 3: Một số nguồn tư liệu có tỷ lệ đa tiết cao hơn đơn tiết [xem 2.13.].

NGUỒN NGŨ LIỆU \ TỶ LỆ	TỪ ĐƠN TIẾT	TỪ ĐA TIẾT
Tự vị An Nam - La tinh (thế kỉ XVIII).	4462 (16%)	23428 (84%)
7661 từ thống kê được trong Báo chí tiếng Việt năm 1921 - 1930.	3264 (45,7%)	3430 (54,3%)
Từ điển tiếng Việt (cuối thế kỉ XX). Chỉ tính riêng các đơn vị song tiết.		19366 (50%)

Các thống kê trên đây cho thấy một xu hướng chung là, càng lùi vào quá khứ lịch sử, tỷ lệ từ đơn tiết trong nguồn tư liệu thành văn mà chúng tôi khảo sát được càng cao và cao hơn tỷ lệ đa tiết; còn tình hình ngược lại ở bảng 3 chỉ cần một vài biện giải thêm là hoàn toàn có thể hiểu được: *Tự vị An Nam - La tinh* (thế kỉ XVIII) có số đơn vị đa tiết áp đảo so với số đơn vị đơn tiết vì cuốn tự vị này được biên soạn như một tự điển và trong mỗi mục *tự* đã đưa vào rất nhiều đơn vị không phải *từ*, mà là những *cụm từ*, có lẽ nhằm làm tiện lợi cho người học tiếng. Đối với báo chí Việt Nam giai đoạn 1921-1930 và Từ điển tiếng Việt cuối thế kỉ XX, do nhu cầu định danh, và để đáp ứng nhu cầu mới trong giao tiếp của một xã hội hiện đại hơn trước, phát triển hơn trước, hàng loạt đơn vị đa tiết, tuy không phải là từ (theo cách hiểu chặt chẽ của thuật ngữ này, và như dưới đây, khi nói về xu thế đa tiết hoá, chúng tôi sẽ trình bày) đã được tạo lập, gây nên sự thay đổi lớn về diện mạo hình thái học của từ vựng tiếng Việt.

2. Về xu thế đa tiết hoá.

Trong tiến trình lịch sử đi tới tiếng Việt ngày nay, ngay từ thời ngôn ngữ Proto Môn Khmer, bên cạnh những từ đơn tiết, vốn đã có rất nhiều từ đa tiết (những từ cận song tiết) mà về sau chúng đã đi vào xu thế đơn tiết hoá rất triệt để trong tiếng Việt). Tư liệu ngôn ngữ cũng cho thấy rằng vào thời ngôn ngữ Proto Katu, xu thế đa tiết hoá đã từng xuất hiện. Cụ thể là: có những từ vào thời Proto Môn Khmer là đơn tiết nhưng đến thời Proto Katu, Proto Việt Mường lại được song tiết hoá, (rồi về sau chúng lại được đơn tiết hoá triệt để trong tiếng Việt). [1, tr. 236]. Ví dụ:

Proto MK	Proto Katu	Proto VM	Việt hiện đại
* kaʔ	* ʔaka	* akāʔ	cá
* c(uə)ʔ	* ʔacə	* acəʔ	chó

Như vậy, từ đa tiết, tính đa tiết và xu thế đa tiết hoá không phải là những sự kiện và hiện tượng tiếp nối của tính đơn tiết và xu thế đơn tiết hoá và chúng cũng không phải là những sự kiện, hiện tượng, thuộc tính được đặt trong thế phân bố loại trừ nhau. Mặt khác, tác nhân làm nảy sinh các hiện tượng đa tiết hoá, dẫn đến hình thành hẳn một xu thế mang tính hình thái học, không phải chỉ có một và việc xác định chúng hoàn toàn không phải là đơn giản.

2.1. Trước hết, đối với những hiện tượng đa tiết hoá theo kiểu như */kaʔ / > * / ʔaka / ... việc tìm kiếm những biểu hiện, bằng chứng của chúng trong tiếng Việt hiện nay, là hết sức khó khăn. Tính phân tiết triệt để và bản chất loại hình đơn lập của tiếng Việt đã gần như xoá sạch mọi dấu vết của quá trình đa tiết hoá kiểu như thế. Một vài bằng chứng khác mà nay chúng ta may mắn phát hiện được, thì đúng chỉ như những hoá thạch hiếm hoi còn sót lại mà thôi.

Trong phạm vi tư liệu hiện biết, *một số trong những* * đơn vị đa tiết mà trước nay chúng ta vẫn quen gọi là từ ngẫu hợp (ngẫu kết) như: *ba láp, ba trợn, bồ cào,*

* Sở dĩ nói "một số trong những" ... là vì không phải ở trường hợp nào cũng nhất luật xảy ra quá trình như vậy và trường hợp nào cũng đã kiểm chứng được một cách tường minh. Theo một nghiên cứu chưa công bố của GS.

bồ các, bồ câu, bồ chao, bồ (mồ) côi, bồ dài, bồ hòn, bồ kết, bồ ngót, bù (bồ) nhìn, bồ nông, bố láo, mồ hôi... có lẽ đã được đa tiết hoá bởi một trong năm khả năng biến đổi của tổ hợp phụ âm đầu trong tiếng Việt - âm tiết hoá yếu tố đứng trước của tổ hợp phụ âm. (theo H. Maspero [10]). Ví dụ:

a. Trường hợp của từ *bồ câu*:

Theo Jakhontov, [xem thêm 1, tr. 247] hình thái (từ) *bồ câu* của tiếng Việt hiện đại vốn bắt nguồn từ một hình thái cổ xưa có dạng tổ hợp phụ âm đầu trong ngôn ngữ Proto Đông Thuỷ là * /pq /.

Về vấn đề này, V.I. Gohman trong cuốn sách *Ngữ âm lịch sử các ngôn ngữ Thái* [xem 7.] cũng dẫn công trình của S.E. Jakhontov *Sự tương ứng giữa các phụ âm gốc lưỡi trong các ngôn ngữ Đông- Thái* (Tạp chí Đông phương học, số 7; Leningrad, 1980) và nhận xét:

" S.E. Jakhontov cho rằng ở đây có một tổ hợp phụ âm Proto Đông Thái kiểu *pq. Giải thuyết này là hoàn toàn có thể được, và có lẽ tổ hợp đó thoát kỳ thuỷ đã tồn tại trong ngôn ngữ Proto Đông Thuỷ" [7, tr.30]. " S.E. Jakhontov đề xuất tổ hợp phụ âm kiểu *pq và chúng tôi chia sẻ quan niệm ấy của ông" [7, tr.150]. Mặt khác, chính V.I. Gohman cũng cung cấp tư liệu [7, tr.30] cho biết: từ có nghĩa là *bồ câu* (từ *bồ câu* của tiếng Việt) được bảo lưu:

ở dạng *pau* trong 04 thổ ngữ,

dạng *pjau* trong 01 thổ ngữ,

dạng *peu* trong 01 thổ ngữ,

dạng *kau* trong 01 thổ ngữ,

dạng *qau* trong 01 thổ ngữ,

Nguyễn Tài Cẩn về các từ cổ mà chúng tôi được tham khảo thì từ *mồ hôi* của tiếng Việt ngày nay lại bắt nguồn từ dạng *pohor của ngôn ngữ Proto Việt Chứt (Proto Việt Mường), vì tư liệu của các nhà nghiên cứu hữu quan cho biết: tương ứng với * pohor đời xưa, hiện nay trong tiếng Mường có các dạng như *môl, pưon, bưon* ở những nhóm thổ ngữ Mường khác nhau, trong tiếng Arem là (pohujm), trong tiếng Sách là (puhu), trong tiếng Rục là (pahu), trong tiếng Pacó-Taôi là (pahoor); còn trong tiếng Proto Bana, dạng phục nguyên của từ có nghĩa mồ hôi lại là * brəhal .

Như vậy, trong khi *bồ câu* được hình thành từ một từ có tổ hợp phụ âm, và một thành tố của tổ hợp phụ âm ấy được âm tiết hoá, thì hình thái *bồ (mồ) hôi* lại hình thành từ một dạng vốn đã là đa (song) tiết của Proto Việt Mường.

dạng *kuu* trong 01 thổ ngữ.

b. Bổ sung cho bằng chứng trên đây là trường hợp của những từ như *tròng - lòng (lòng trắng, lòng đỏ) - thông lọng; tên - then - trên - thên lện ...* trong tiếng Việt ngày nay. Trong từ điển Việt- Bồ đào nha- Latinh thế kỷ XVII còn ghi dạng *tlòng, tlên ...* Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để có thể đối chiếu và cắt nghĩa tính đa tiết của *thông lọng* (< *tlòng*) và *then lện* (< *tlên*)... do các biến đổi từ các hình thái gốc của chúng.

c. Ngoài ra, ngay hiện nay, cơ chế âm tiết hoá một yếu tố của tổ hợp phụ âm trong từ đơn tiết dẫn đến hình thành từ đa tiết vẫn hoạt động rất rõ nét ở những từ, những tên gọi có nguồn gốc là từ phiên âm như *Cà mau* (< *khmău* . Tiếng Khmer) *cờ lê* (< *clé*. Tiếng Pháp) ...

Như vậy, với những tư liệu hiện biết, chúng ta đã có thể có cơ sở để nói rằng: lý do ra đời của *một số trong những từ đa tiết (*)* như: *ba láp, ba trợn, bồ cào, bồ các, bồ cắt, bồ câu, bồ chao, bồ (mồ) côi, bồ dài, bồ hòn, bồ kết, bồ ngót, bù (bồ) nhìn, bồ nông, bồ láo, bồ hôi, bồ láo, cà chớn, cà khố, cà kheo, cà tàng ...* là hiện tượng âm tiết hoá thành tố đầu trong tổ hợp âm đầu của đơn vị hình thái đơn tiết nguyên gốc. Số còn lại, là những hình thái lưu giữ tính đa tiết vốn có ngay từ đầu, chứ không phải là hình thành nhờ hai thành tố "ngẫu nhiên tổ hợp với nhau" ở hậu kỳ. (Tuy nhiên, từng từ một như trên đây thuộc về trường hợp cụ thể nào, thì phải có những nghiên cứu chuyên biệt).

2.2. Xu thế đa tiết hoá không chỉ tác động và thể hiện ở việc tạo nên những từ đa tiết mà nó còn thể hiện ở sự tổ hợp các đơn vị hình thái cơ bản (từ đơn) lại với nhau, tạo nên một số lượng vô cùng lớn những đơn vị từ vựng đa tiết khác mà chúng ta vẫn quen gọi là từ ghép, (gồm cả từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ). Chính những đơn vị “từ ghép” như: *cha mẹ, anh em, trường sở, vãi vốc, lương bổng, đường sắt, mặt trời, cá vàng, cà chua, xe cộ, cỏ rả, trắng nõn, xanh lè, đối chác, đi lại, mua bán, đánh rũa, lau chùi ...* đã hình thành bằng cách như vậy.

Thực tế này không phải chỉ có ở tiếng Việt, mà chúng ta còn có thể quan sát thấy trong hàng loạt ngôn ngữ khác gần gũi với tiếng Việt về mặt khu vực và/ hoặc loại hình. Ví dụ:

Tiếng Bru Vân kiều:

akok (đầu)	+ iku (đuôi)	= akok iku (đầu đuôi)
mpiq (mẹ)	+ mpaq (cha/ bố.)	= mpiq mpaq (cha mẹ)
panhiêih (đói)	+ khlak (khát)	= panhiêih khlak (đói khát)
atúng (ngược)	+ atook (xuôi)	= atúng atook (ngược xuôi)

Tiếng Chăm:

băng (ăn)	+ munhum (uống)	= băng munhum (ăn uống)
tangin (tay)	+ takai (chân)	= tangin takai (tay chân) ...
akok (đầu)	+ iku (đuôi)	= akok iku (đầu đuôi)
lithay (cơm)	+ ia (nước)	= lithay ia (cơm nước)

Tiếng Dao:

luj ² (quân)	+ hřw ⁴ (áo)	= luj ² hřw ⁴ (quân áo)
cǎj ⁴ (xây)	+ liêp ⁶ (dựng)	= cǎj ⁴ liêp ⁶ (xây dựng)
peɽ ⁶ (trắng)	+ kieɽ ⁵ (đen)	= peɽ ⁶ kieɽ ⁵ (trắng đen)
im ² (cay)	+ bjat ⁶ (đắng)	= im ² bjat ⁶ (cay đắng) ...

Tiếng Katu:

moh (mũi)	+ mat (mắt)	= moh mat (mặt mũi/diện mạo)
bhui (vui)	+ hal (vui)	= bhui hal (vui vẻ)
Jai (giúp)	+ por (giúp)	= Jai por (giúp đỡ)
val (trở lại)	+ vôiɽ (đi)	= val vôiɽ (đi lại)

Tiếng Khmer:

/ muk/ (mặt)	+ / mwat / (miệng)	= / muk mwat / (mặt mũi)
/ cǎt / (tim)	+ / thlaəm / (gan)	= / cǎt thlaəm / (tắm lòng)
/ sok / (sương)	+ / tuk / (khổ)	= / sok tuk / (sương khổ)

/ si / (ăn)	+ / c ^h ai / (tiêu)	= / si c ^h ai / (ăn tiêu)
<i>Tiếng Lào:</i>		
/ fɔ / (cha)	+ / mɛ / (mẹ)	= / fɔ mɛ / (cha mẹ)
/ ai / (anh)	+ / nɔŋ / (em)	= / ai nɔŋ / (anh em)
/ ɲuŋ / (rối)	+ / ɲak / (khó)	= / ɲuŋ ɲak / (khó khăn)
/ cuu / (nhớ/ghi)	+ / cǎm/ (nhớ)	= / cuu cǎm/ (nhớ/ ghi nhớ) ...

Tiếng Malay:

cepat (nhanh)	+ ligat (nhanh)	= cepat ligat (nhanh nhẹn)
hutan (rừng)	+ rimba (rừng)	= hutan rimba (rừng rú)
tawa (già)	+ muda (trẻ)	= tawa muda (già trẻ)
tempik (kêu)	+ surak (la)	= tempik surak (kêu la) ...

Tiếng Miến điện:

/ badha / (tiếng)	+ / sakà / (lời)	= / badha sakà / (tiếng nói)
/ cí / (nhìn)	+ / hyu / (ngó)	= / cí hyu / (nhìn ngó)
/ hyei/ (trước)	+ / nau / (sau)	= / hyei nau / (trước sau)
/ kaun / (tốt)	+ / mun / (tốt)	= / kaun mun / (tốt đẹp) ...

Tiếng Pu péo:

ruŋ ³ (rừng)	+ bu ⁴ (núi/rú)	= ruŋ ³ bu ⁴ (rừng núi/rú)
tǎj ⁵ (cây)	+ mjak (quả)	= tǎj ⁵ mjak (cây cối) ...
pe ⁴ (cha)	+ maj ² (mẹ)	= pe ⁴ maj ² (cha mẹ)
mjaw ⁴ (mặt)	+ te ¹ (mũi)	= mjaw ⁴ te ¹ (mặt mũi)

Tiếng Tày Nùng:

doŋ (rừng)	+ pá (rừng)	= doŋ pá (rừng rú)
doan (sợ)	+ mǎo (hãi)	= doan mǎo (sợ hãi)
hua (đầu)	+ haŋ (đuôi)	= hua haŋ đầu đuôi)
chan (lười)	+ mjaŋ (nhác)	= chan mjaŋ (lười nhác)...

Tiếng Thái lan:

/ cèp / (ốm)	+ / khây / (sốt)	= / cèp khây / (ốm đau)
/ phít / (sai)	+ / chô:p /	= / ph ì t chô:p / (đúng sai)
/ cay / (tim)	+ / kho: / (cổ)	= / cay khkho: / (trái tim/tình cảm)
/ ri:p / (vội)	+ / rɔ:n / (nóng)	= / ri:p rɔ:n / (vội vàng) ...

b. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng đặt ra là: những đơn vị được hình thành theo cách thức và cơ chế như trên đây, đặc biệt là các đơn vị của tiếng Việt, có thực là những *từ ghép* hay không?

Nếu chúng ta thừa nhận cương vị *từ ghép* của những đơn vị như: *ăn uống, áo quần, cha mẹ, đi lại, đầu đuôi, cà chua, áo dài, đường sắt, xe đạp ...* thì từng yếu tố một trong các đơn vị đó buộc phải được coi là có cương vị của hình vị. Thế nhưng, trên thực tế, làm sao có thể chứng minh được những “yếu tố cấu tạo từ - hình vị” như: *ăn, uống, áo, quần, cha, mẹ, đi, lại, đầu, đuôi, cà, chua, áo, dài, đường, sắt, xe, đạp ...* trong các “từ ghép” như thế khác với những từ đơn tiết: *áo, quần, cha, mẹ, đi, lại, đầu, đuôi, cà, chua, áo, dài, đường, sắt, xe, đạp ...* khi chúng tồn tại và hoạt động tự do?

Mặt khác, nếu đúng những đơn vị như *ăn uống, áo quần, cha mẹ, đi lại, đầu đuôi, cà chua, áo dài, đường sắt, xe đạp ...* là những từ ghép thì làm sao chúng ta lại còn có thể dùng các quan hệ cú pháp đẳng lập, chính phụ để miêu tả quan hệ giữa các thành tố tham gia cấu tạo nên chúng và lại còn có thể dùng những đặc trưng từ loại để miêu tả cấu trúc của chúng như *động-động, danh-danh, danh-tính, danh-động ...?*

Thật ra, sự khác nhau, chẳng hạn giữa *ăn* trong *ăn uống* và *ăn* với tư cách một từ đơn, tự do, chỉ là khác nhau về bối cảnh tồn tại và hoạt động của chính cùng một đơn vị: một đẳng đứng trong tổ hợp ít nhiều cố định, bị ràng buộc, còn một đẳng thì vẫn hoàn toàn đứng tự do. Tư cách từ của những “từ ghép” như vừa nêu trên, quả thực là bất ổn. Ngoài ra, sự bất ổn đó còn thể hiện thêm ở hai điểm sau đây:

Thứ nhất, hàng loạt đơn vị có phương thức tổ chức và tư cách như nhau, ví dụ:

a. *cỏ rả, cá mú, tre pheo, xe cộ, áo xống, đối chác, súng ống, kiêng khem...*

a'. *nhà cửa, áo quần, anh em, ăn ở, đầu đuôi, ăn nói, leo trèo...*

b. *trắng nõn, đất thó, mưa phùn, lược bí, mặt nạ, đường sá, đòn càn...*

b'. *đường sắt, xe đạp, khăn quàng, nhà lá, bàn gỗ, áo len, chậu nhôm ...*

nhưng hiện nay, những đơn vị như ở loại a. và b. thì nghiêm nhiên được coi là từ ghép, không hề gây một phản ứng gì, chỉ vì chúng có một thành tố được coi là "vô nghĩa", kết cấu nội bộ của chúng trở nên bền chặt và cố định hơn; còn những đơn vị như ở loại a'. và b.' có hai thành tố cấu tạo "rõ nghĩa" cả thì chúng ta phải chạy theo để biện luận cho từng trường hợp một cách hết sức khó khăn, rất thiếu tính hệ thống, và khó thuyết phục vì kết cấu nội bộ của chúng lỏng lẻo, tự do hơn.

Thứ hai: Có hàng loạt đơn vị do hai đơn vị hình thái cơ bản (từ đơn) ghép lại với nhau, chúng ta hoàn toàn có thể chứng minh được một cách minh xác, nhưng đã được đưa sang phạm vi của "từ láy" một cách rất tự nhiên chỉ vì quan hệ về nghĩa giữa các thành tố cấu tạo nên chúng, vì những lý do nào đó, đã bị bào mòn, bị lu mờ đi, trong khi sự trùng nhau ngẫu nhiên ở một bộ phận ngữ âm giữa các thành tố đó càng ngày càng nổi lên và được coi trọng như một tiêu chí chính để định loại các "từ." Vì thế cho nên những đơn vị như:

1- *chùa chiền, tuổi tác, hỏi han, thân thích, thân thiết, quyến luyến, bệ vệ, lan man, tha thiết, giữ gìn, đáo đẽ, hỗn hào, lam lũ, lưỡng lự, nguy nga, tồi tàn, tiêu điều, tung tích, thổ lộ, bàng hoàng ...*

và: 2- *co kéo, kìm kẹp, rơm rác, tưng tưng, dền dền, bụ bẫm, càn quét, cay cực, rổ rá, cam quýt, dàn dựng, gánh gồng, học hành, bạn bè, nghe ngóng, lặn lội, mệt mỏi, học hành, quê quán, ruộng rẫy, tóc tai, phố phường ...* đã được đối xử khác nhau: loại 1 được coi là các từ láy, còn loại 2 thì không. (Trong khi đó, về mặt diện mạo và mô thức cấu tạo, khó có thể nói những đơn vị như: *co kéo, kìm kẹp, rơm rác, tưng tưng, dền dền, bụ bẫm, càn quét, cay cực, rổ rá, cam quýt, dàn dựng, gánh gồng, học hành, bạn bè, nghe ngóng, lặn lội, mệt mỏi, học hành, quê quán, ruộng rẫy, tóc*

tai, phố phường ... khác với những đơn vị như: con cái, ấm áp, chẳng chịt, đại đột, góm ghiếc, rác rưởi, nhọc nhằn, thêm thắt, thể thốt, xa xôi, bạn bè, tiệc tùng, ấm áp, vui vẻ, màu mè ...). Đó là sự bất bình đẳng trong quan niệm và xử lý thực tiễn.

3. Đến đây, những phân tích đã trình bày bên trên cho phép chúng ta có thể có được một vài nhận xét như sau:

a. Đơn tiết, đơn tiết hoá và đa tiết, đa tiết hoá trong tiếng Việt là một quá trình đã từng xuất hiện từ rất sớm, diễn ra từ rất lâu về trước. Chúng là hai xu thế trái chiều nhau nhưng lại song hành và cùng phát huy tác động, ảnh hưởng. Chính quá trình này đã trực tiếp đưa đến những đặc trưng hết sức quan trọng của tiếng Việt như: tính phân tiết triệt để, tính đơn tiết là điển hình, chủ đạo của các từ.

b. Quá trình đơn tiết hoá góp phần qua trọng làm cho tỷ lệ từ đơn trong từ vựng tiếng Việt cao lên, làm cho tính đơn tiết của tiếng Việt trở thành một thuộc tính phổ biến, điển hình, nhưng đó không phải là thuộc tính tuyệt đối để khẳng định: mỗi từ của tiếng Việt chỉ gồm có một âm tiết, tức là mỗi từ đều có kích thước vật chất tối đa là một âm tiết.

c. Ngày nay, hiện tượng đơn tiết hoá vẫn đang hoạt động và đặc biệt là nó hay tác động đến những từ đa tiết vay mượn, phiên âm. Hơn thế nữa, ngay cả những đơn vị từ vựng lớn hơn từ (các ngữ), thậm chí, cả những tên riêng đa tiết trong tiếng Việt hiện đại, đều luôn luôn tiềm tàng khả năng được đơn tiết hoá, sẵn sàng được đơn tiết hoá hay ít ra cũng được "giảm tiết hoá". Trong khi đó, xu thế đa tiết hoá tạo lập những đơn vị từ vựng đa tiết lại cũng vẫn đang tiếp tục diễn ra càng ngày càng mạnh, tạo thành động lực chủ yếu xây dựng nên ngày càng nhiều đơn vị từ vựng đa tiết mà trong số đó chủ yếu là song tiết. (Trong "*Từ điển tiếng Việt 1994*", chỉ tính riêng các đơn vị từ vựng song tiết có quan hệ đẳng lập hoặc quan hệ chính phụ, chúng tôi kiểm được trên mười chín nghìn (19.366) đơn vị, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 50% toàn bộ danh sách từ ngữ các loại của từ điển này).

d. Đối với xu thế đơn tiết hoá để dẫn đến các từ đơn, lý do khởi nguyên của nó về căn bản là quá trình rụng bớt âm tiết đi. Thêm vào đó, quá trình từ bỏ dần

phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố vốn có từ thời xa xưa và phổ biến trong các ngôn ngữ Môn Khmer, cũng là một tác nhân rất đáng kể đối với xu thế và quá trình này. Ngược lại, nét nổi bật và phổ biến của xu thế đa tiết hoá trong tiếng Việt chính là sự tổ hợp các đơn vị hình thái cơ bản - từ đơn - lại với nhau, chứ không phải là sự kết nối các hình vị như trong các ngôn ngữ biến hình châu Âu.

Chính đa tiết hoá là nhân tố gây nên nhiều rắc rối cho cả lý luận lẫn thực tiễn nghiên cứu về từ tiếng Việt. Điều này cần phải được phân tích và đánh giá đầy đủ hơn, đồng thời chú ý và nhận thức đúng mức, toàn diện hơn đến cả những nhân tố lịch sử nữa, để có thể góp phần giải quyết các vấn đề hữu quan một cách có hiệu quả và thực tế hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn, Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt, Nxb GD, H., 1995.
2. Trần Nhật Chính, Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt hiện đại (30 năm đầu thế kỉ XX: 1900 - 1930). *Luận án tiến sĩ ngữ văn*, Hà Nội, 2002.
3. Phạm Đức Dương, Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung, *Sách: “Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á”*, Viện Đông Nam Á, 1983, tr. 76 - 133.
4. Diffloth G., The lexical evidence for Austric, so far, *Oceanic linguistics*, Vol. 33, No. 2, 1994, 309 - 321 pp.
5. Diffloth G., Vietnamese as a Mon - Khmer language, *Papers from the first annual meeting of the Southeast Asian linguistics Society*, 1991, 125 - 139 pp.
6. Ferlus M., Lexique Thvung - Francais. *Cahiers de linguistique Asia Oriental*. No. 5. Mars 1979, pp. 83-94.
7. Gohman V.I., *Istoricheskaja Phonetika Taiskikh Jazykov*. Izd. Nauka. Moscva, 1992.
8. Huffman F.E., An examination of lexicon correspondences between Vietnamese and some other Austroasiatic languages, *Lingua*, Vol. 43, No. 2-3, Amsterdam, 1977, 171 - 198 pp.
9. Nguyễn Văn Lợi, Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại, *T/c Ngôn ngữ*, số 2, 1992, tr. 29 - 36.
10. Maspero H., Etude sur la phonetique historique de la langue annamite. Les initiales, *BEFEO*, Vol. 12, No. 1, pp. 1 - 127 (*Bản dịch của Khoa ngữ văn, Đại học tổng hợp Hà Nội*).
11. Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, M. Ferlus, Lexique Vietnamien- Ruc - Francais. *Universite de Paris VII*.
12. Võ Xuân Trang, Người Rục ở Việt Nam, Nxb. Văn hoá dân tộc, H. 1998.
13. Luận văn, khoá luận tốt nghiệp đại học chuyên ngành ngôn ngữ học của các sinh viên: Phạm Xuân Chiến, Đặng Thị tiên Phong, Trần Thu Hằng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Hương Thục (*Tư liệu Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXH-NV, Đại học Quốc gia Hà Nội*).